

ĐỐI TƯỢNG TÁC ĐỘNG CỦA TỘI TRỘM CẤP TÀI SẢN THEO LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

ThS. HOÀNG VĂN HÙNG *

1. Mỗi tội phạm đều có đối tượng tác động cụ thể, thông qua đối tượng tác động, tội phạm gây thiệt hại cho những khách thể khác nhau. Tội trộm cắp tài sản cũng có đối tượng tác động riêng, nghiên cứu về đối tượng tác động của tội trộm cắp tài sản không những làm rõ tính chất nguy hiểm cho xã hội của tội phạm mà còn có ý nghĩa trong hoạt động thực tiễn của các cơ quan tư pháp.

Trong khoa học luật hình sự, đối tượng tác động của tội phạm được hiểu là một bộ phận thuộc khách thể của tội phạm. Khi tác động đến bộ phận này, người phạm tội gây thiệt hại cho khách thể của tội phạm.

Khách thể của tội trộm cắp tài sản là quan hệ sở hữu, được đặc trưng bởi ba quyền năng là quyền chiếm hữu, sử dụng và định đoạt tài sản. Đối tượng cụ thể của quan hệ sở hữu là những loại tài sản nhất định và trong đời sống xã hội chúng có thể trở thành đối tượng tác động của tội trộm cắp tài sản. Điều 163 BLDS Việt Nam 2005 quy định: *"Tài sản bao gồm vật, tiền, giấy tờ có giá và các quyền tài sản"*.

2. Hình thức đầu tiên của tài sản theo luật dân sự Việt Nam là vật. Vật là một phần, một bộ phận của thế giới vật chất có thể đáp ứng nhu cầu nhất định của con người, tồn tại dưới một dạng nhất định, nằm trong sự chiếm hữu của con người, có đặc trưng giá trị và trở thành đối tượng của giao lưu dân sự.⁽¹⁾

Vật là một hình thức tài sản và có thể trở thành đối tượng tác động của tội trộm

cấp tài sản. Khi là đối tượng tác động của tội trộm cắp tài sản, vật phải nằm trong sự chiếm hữu của con người. Những tài sản nhất định của một người nào đó khi đã thoát ra khỏi sự quản lí như tài sản bị bỏ quên, đánh rơi, thất lạc v.v. thì không còn là đối tượng của tội trộm cắp tài sản. Trong trường hợp người chủ sở hữu chủ động từ bỏ quyền sở hữu của mình và chuyển tài sản ra khỏi phạm vi quản lí thì tài sản này được coi là tài sản vô chủ. Hành vi lấy loại tài sản này không bị coi là phạm tội nói chung và tội trộm cắp tài sản nói riêng. Về tính chất pháp lí của hành vi này chúng ta không thể coi đó là một hành vi xâm phạm sở hữu vì người chủ sở hữu đã từ bỏ quyền sở hữu của mình.

Tài sản là đối tượng tác động của tội trộm cắp tài sản ngoài vật còn có thể là tiền, các loại giấy tờ trị giá được bằng tiền. Tiền bao gồm tiền Việt Nam và tiền nước ngoài đang được lưu hành trên thị trường. Những giấy tờ có giá trong hoạt động kinh tế hoặc giao dịch dân sự rất đa dạng. Theo Điều 4 Quy chế phát hành giấy tờ có giá của tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 02/2005/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 04/01/2005 thì: *"Giấy tờ có giá là chứng nhận của tổ chức tín dụng phát hành để huy động vốn trong đó xác*

* Giảng viên chính Khoa luật hình sự Trường Đại học Luật Hà Nội

nhận nghĩa vụ trả nợ một khoản tiền trong một thời hạn nhất định, điều kiện trả lãi và các điều khoản cam kết khác giữa tổ chức tín dụng và người mua”.

Giấy tờ có giá có nhiều hình thức khác nhau. Tên gọi của giấy tờ có giá có thể là: Kì phiếu, tín phiếu, trái phiếu, chứng chi tiền gửi ngắn hạn, chứng chi tiền gửi dài hạn... Những loại giấy tờ này có tính chất chung là có thể định giá được bằng tiền và khi đưa vào lưu thông dân sự chúng có thể thay thế tiền. Với tính chất là một hình thức tài sản đặc thù như vậy, chúng có thể trở thành đối tượng của tội trộm cắp tài sản. Tuy nhiên, giấy tờ có giá lại được chia làm hai loại: Giấy tờ có giá ghi danh và giấy tờ có giá vô danh. Theo Điều 4 của Quy chế trên đây thì: *“Giấy tờ có giá vô danh là giấy tờ có giá phát hành theo hình thức chứng chi không ghi tên người sở hữu. Giấy tờ có giá vô danh thuộc quyền sở hữu của người nắm giữ giấy tờ có giá”.*

Như vậy, chỉ có giấy tờ có giá vô danh mới trở thành đối tượng tác động của tội trộm cắp tài sản. Khi lấy đi loại giấy tờ này người phạm tội có thể thực hiện các quyền sở hữu đối với tài sản được giấy tờ đó xác nhận. Họ có thể đem loại giấy tờ này đi chuyển nhượng như: Mua, bán, tặng, cho, trao đổi, thanh toán mà hầu như không phải thoả mãn thêm bất kì điều kiện nào liên quan đến giấy tờ này. Giấy tờ có giá hữu danh tuy có thể đem chuyển nhượng trong giao dịch dân sự nhưng chỉ chủ sở hữu đứng tên trong giấy tờ đó mới có khả năng thực hiện được sự chuyển nhượng. Vì vậy, giấy tờ có giá hữu danh không có thể trở thành đối tượng tác động của tội trộm cắp tài sản. Khi đã lấy được giấy tờ có giá hữu danh, người lấy

không thể thực hiện các quyền sở hữu về tài sản mà loại giấy tờ này ghi nhận.

Tương tự như giấy tờ có giá hữu danh, những loại giấy tờ khác tuy có chứa đựng những quyền tài sản nhất định nhưng chỉ bản thân người chủ sở hữu mới có khả năng sử dụng chúng trong giao dịch dân sự thì không thể là đối tượng tác động của tội trộm cắp tài sản. *Ví dụ:* Giấy chứng nhận quyền sở hữu trí tuệ, giấy biên nhận nợ... Khi các loại giấy tờ chứng thực quyền tài sản của người chủ sở hữu bị người khác lấy đi thì họ vẫn có thể khôi phục lại, các quyền sở hữu như quyền chiếm hữu, quyền sử dụng, quyền định đoạt không bị xâm phạm.

3. Trong thực tiễn áp dụng các quy định của BLHS để đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung và tội trộm cắp tài sản nói riêng đã có một số vấn đề liên quan đến xác định đối tượng tác động của tội trộm cắp tài sản gây nhiều tranh cãi. Đó là hành vi câu, móc trộm điện để sử dụng trong hoạt động kinh doanh hoặc phục vụ sinh hoạt trong gia đình. Về vấn đề này có nhiều quan điểm khác nhau trong giới luật gia.

- Quan điểm thứ nhất cho rằng hành vi trên không phạm tội trộm cắp tài sản vì đối tượng tác động trong trường hợp này là điện, một dạng năng lượng lưu thông theo quy luật vật lí trong các dây dẫn, không thể coi là tài sản. Hành vi câu, móc trộm điện cấu thành tội sử dụng, phân phối điện trái phép (Điều 182 BLHS năm 1985) hoặc tội vi phạm quy định về an toàn công trình điện (Điều 241 BLHS năm 1999).

- Quan điểm thứ hai cho rằng hành vi câu, móc trộm điện cấu thành tội trộm cắp tài sản vì điện có thể trở thành đối tượng tác động của tội trộm cắp tài sản.⁽²⁾

Chúng tôi cho rằng quan điểm thứ hai đúng vì theo Điều 163 BLDS Việt Nam thì tài sản bao gồm vật, tiền, giấy tờ có giá và quyền tài sản. Điện phải được coi là một dạng đặc thù của vật theo quy định trên. Hành vi câu, móc trộm điện trên các dây dẫn để sử dụng trái phép làm tổn hao năng lượng điện của chủ sở hữu. Người câu, móc trộm điện để sử dụng đã chiếm đoạt số năng lượng điện này nên hành vi trên cấu thành tội trộm cắp tài sản.

4. Theo luật dân sự Việt Nam, tài sản còn được phân loại thành bất động sản và động sản. Điều 174 BLDS quy định: *“Bất động sản là các tài sản bao gồm: Đất đai; nhà, công trình xây dựng gắn liền với đất đai, kể cả các tài sản gắn liền với nhà, công trình xây dựng đó; các tài sản khác gắn liền với đất đai; các tài sản khác do pháp luật quy định. Động sản là những tài sản không phải là bất động sản”*.

Do tính chất của hành vi phạm tội trộm cắp là lấy đi tài sản của người khác cho nên bất động sản không thể là đối tượng của tội trộm cắp tài sản. Trường hợp người phạm tội tháo dỡ những phần tài sản nhất định thuộc về một bất động sản để mang đi chiếm đoạt thì tính chất của phần tài sản này đã thay đổi. Trước khi tháo dỡ, phần tài sản này được coi là bất động sản nhưng sau khi tháo dỡ nó lại được coi là động sản vì chúng có thể di, dời được. Hành vi trên vẫn bị coi là phạm tội trộm cắp tài sản.

Như vậy, đối tượng tác động của tội trộm cắp tài sản là những tài sản cụ thể sau đây: Vật, tiền, giấy tờ có giá. Trong trường hợp tài sản được phân loại thành động sản và bất động sản thì chỉ động sản mới có thể trở thành đối

tượng tác động của tội trộm cắp tài sản.

5. Đối tượng tác động của tội trộm cắp tài sản thông thường là những tài sản hợp pháp. Đây là những loại tài sản người chủ sở hữu có được hoàn toàn phù hợp với các quy định của pháp luật như do lao động, thừa kế, tặng cho hoặc được thưởng. Tuy nhiên, trong trường hợp đặc biệt, đối tượng tác động của tội trộm cắp có thể là tài sản bất hợp pháp. Đây là những loại tài sản có được thông qua các hành vi trái pháp luật như đánh bạc, mại dâm, buôn bán ma túy hoặc hành vi vi phạm pháp luật khác. Tính chất bất hợp pháp của tài sản không ảnh hưởng đến việc định tội, người lấy đi tài sản bất hợp pháp này vẫn bị coi là phạm tội trộm cắp tài sản và bị truy cứu TNHS.

6. Xuất phát từ tính chất đặc biệt của tài sản nên một số loại tài sản nhất định không được coi là đối tượng tác động của tội trộm cắp tài sản. Trong trường hợp các loại tài sản này bị chiếm đoạt và các quyền sở hữu về các tài sản này bị xâm phạm thì người phạm tội sẽ bị truy cứu TNHS về các tội phạm khác. Đó là các loại tài sản: Ma túy, tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy, tàu bay, tàu thủy, vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự, vật liệu nổ, vũ khí thô sơ hoặc công cụ hỗ trợ và chất phóng xạ. Người nào chiếm đoạt các loại tài sản đặc biệt này sẽ bị truy cứu TNHS về các tội phạm tương ứng được quy định tại các Điều 194, 195, 221, 230, 232, 233, 236 BLHS năm 1999.

7. Trong thời gian qua một số tổ chức, cá nhân người nước ngoài có phương tiện và kỹ thuật về thu phát sóng vô tuyến điện đã cấu kết với một số người trong nước, lén lút lắp đặt thiết bị thu phát sóng vô tuyến điện, khai thác, sử dụng trái phép tần số vô tuyến điện hoặc lợi

dụng kênh thuê riêng để chuyển một lượng lớn các cuộc đàm thoại từ nước ngoài vào Việt Nam hoặc ngược lại để thu cước điện thoại với số lượng rất lớn. Loại hành vi vi phạm pháp luật này là mới với thủ đoạn tinh vi, lợi dụng kỹ thuật viễn thông để trốn tránh sự kiểm soát của ngành bưu điện viễn thông Việt Nam, làm thất thu tiền cước điện thoại của Nhà nước. Tuy là loại hành vi vi phạm pháp luật mới nhưng đã xảy ra ở nhiều địa phương trong cả nước, cụ thể: Thành phố Hồ Chí Minh 2 vụ, Hà Nội 6 vụ, Quảng Ninh 2 vụ, Lạng Sơn 2 vụ, Bình Dương 2 vụ, Hải phòng 1 vụ và Hà Giang 1 vụ.⁽³⁾ Hành vi lắp đặt, sử dụng thiết bị viễn thông, thu cước trái phép được thực hiện bằng các thủ đoạn sau đây:

- Thủ đoạn thứ nhất là thuê kênh riêng: Người thuê kênh riêng có hợp đồng thuê để sử dụng và có nghĩa vụ trả tiền cước phí sử dụng kênh riêng này. Người thuê kênh riêng chỉ được kết nối, liên lạc từ mạng nội bộ thuê kênh riêng tại Việt Nam đến mạng nội bộ thuê kênh riêng ở nước ngoài. Sau khi thuê kênh riêng, chủ thuê bao đăng ký sử dụng một số máy điện thoại nội hạt tại Việt Nam và tự ý kết nối với kênh riêng để chuyển các cuộc gọi từ trong nước ra nước ngoài và ngược lại. Người thuê bao chỉ trả cước phí điện thoại trong nước nhưng thu được một số lượng lớn cước phí điện thoại quốc tế từ những người khác.

- Thủ đoạn thứ hai là tự ý lắp đặt trái phép trạm mặt đất thông tin vệ tinh: Do không có hợp đồng thuê bao kênh riêng, trường hợp này những người nước ngoài và trong nước tự ý lắp đặt trạm thu phát mặt đất, sau đó kết nối với các máy điện thoại thuê bao cố định để chuyển các cuộc gọi từ

trong nước ra nước ngoài và ngược lại. Trong trường hợp này số tiền thu được từ những người đến gọi điện thoại quốc tế là rất lớn vì người tự ý lắp đặt trái phép trạm mặt đất thông tin vệ tinh chỉ phải trả duy nhất cước điện thoại trong nước và tiền thuê bao một số máy điện thoại cố định. Để che đậy việc làm phi pháp của mình, người phạm tội thường xuyên đảo các máy thuê bao cố định.

- Thủ đoạn thứ ba là sử dụng điện thoại kéo dài (bao gồm máy mẹ và máy con): Trong trường hợp này người thu cước điện thoại quốc tế trái phép có đăng ký thuê bao điện thoại của Việt Nam (máy mẹ), sau đó đưa các máy con sang Trung Quốc, kết nối vào mạng của Trung Quốc chuyển các cuộc gọi từ CHLB Nga về Việt Nam. Chúng lợi dụng sự chồng lấn sóng viễn thông tại khu vực biên giới Việt Nam-Trung Quốc và Trung Quốc-CHLB Nga để thu cước điện thoại quốc tế. Người phạm tội trong trường hợp này chỉ trả cước điện thoại trong nước nhưng lại thu được tiền cước điện thoại quốc tế.

Về hành vi vi phạm pháp luật trên đây, căn cứ vào các dấu hiệu pháp lý của tội trộm cắp tài sản, tội sử dụng trái phép tài sản, tội vi phạm các quy định về thăm dò khai thác tài nguyên và tội kinh doanh trái phép có nhiều quan điểm khác nhau trong giới luật gia.

- Quan điểm thứ nhất cho rằng hành vi lắp đặt thiết bị thu phát sóng vô tuyến điện, sử dụng trái phép tần số vô tuyến điện để thu cước điện thoại tuy là hành vi vi phạm pháp luật nhưng không cấu thành bất kì tội phạm nào và căn cứ vào Điều 2 BLHS không thể truy cứu TNHS, người vi phạm chỉ bị xử lý hành chính.⁽⁴⁾

- Quan điểm thứ hai cho rằng hành vi trên không cấu thành tội phạm nào trong

BLHS Việt Nam và do sự cần thiết của yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm cần quy định một tội phạm mới: Tội vi phạm các quy định về bưu chính, viễn thông.⁽⁵⁾

- Quan điểm thứ ba cho rằng hành vi trên cấu thành tội trộm cắp tài sản. Đây là quan điểm được nhiều luật gia ủng hộ và qua thực tiễn xét xử đã được nhiều toà án địa phương đồng tình. Quan điểm này căn cứ vào các luận cứ chủ yếu sau đây: Hành vi lắp đặt và sử dụng thiết bị viễn thông có tính chất lén lút bí mật, người sử dụng đã chiếm đoạt một số lượng lớn tiền cước phí điện thoại của Nhà nước, sóng viễn thông là tài sản nên hoàn toàn có thể trở thành đối tượng tác động của tội trộm cắp tài sản.⁽⁶⁾

- Quan điểm thứ tư cho rằng hành vi trên không cấu thành tội trộm cắp tài sản nhưng cấu thành tội kinh doanh trái phép. Quan điểm này cho rằng hành vi trên không phạm tội trộm cắp tài sản vì các luận cứ sau đây: Hiện nay, kinh doanh điện thoại là hoạt động của nhiều công ti điện thoại nên ý kiến cho rằng hành vi lắp đặt, sử dụng thiết bị viễn thông, thu cước trái phép gây hại cho Tổng công ti bưu chính viễn thông là sai. Không thể khẳng định được rằng người sử dụng điện thoại để gọi ra nước ngoài và ngược lại nếu không sử dụng các dịch vụ này tại các cơ sở của các cá nhân, tổ chức trái phép trên thì sẽ sử dụng mạng dịch vụ của Tổng công ti bưu chính viễn thông Việt Nam (vì giá cước của Tổng công ti cao hơn nhiều lần so với giá cước tại các cơ sở trái phép này). Khi thực hiện các hành vi cụ thể, người vi phạm không nhằm chiếm đoạt tài sản của bất kì cá nhân hay tổ chức nào, người vi phạm chỉ muốn thu lợi nhuận bất chính. Do không xác định được người bị

hại nên không phạm tội trộm cắp tài sản.

Hành vi lắp đặt, sử dụng thiết bị viễn thông, thu cước trái phép là hành vi bỏ vốn ra kinh doanh, thu lợi nhuận nhưng chưa xin phép các cơ quan chức năng nên cấu thành tội kinh doanh trái phép theo Điều 159 BLHS.⁽⁷⁾

- Quan điểm thứ năm cho rằng hành vi trên cấu thành tội sử dụng trái phép tài sản theo Điều 142 BLHS.⁽⁸⁾

- Quan điểm thứ sáu cho rằng hành vi trên cấu thành tội vi phạm quy định về thăm dò khai thác tài nguyên theo Điều 172 BLHS.⁽⁹⁾

Căn cứ vào các dấu hiệu pháp lí của tội trộm cắp tài sản chúng tôi cho rằng hành vi lắp đặt, sử dụng thiết bị viễn thông, thu cước trái phép không phạm tội trộm cắp tài sản vì những luận cứ sau đây:

- Thứ nhất: Đối tượng tác động của tội trộm cắp tài sản là tài sản đang có sự quản lí của chủ sở hữu. Hành vi thu cước phí trái phép của tổ chức, cá nhân người nước ngoài hoặc Việt Nam đối với những người gọi điện thoại ra nước ngoài hoặc ngược lại không thể là chiếm đoạt tài sản đang có sự quản lí của chủ tài sản. Cước phí điện thoại quốc tế trong trường hợp này chưa là tài sản thuộc Tổng công ti bưu chính viễn thông hoặc của bất kì công ti kinh doanh điện thoại nào.

- Thứ hai: Hành vi lắp đặt, sử dụng thiết bị viễn thông, thu cước trái phép tuy mang tính chất lén lút bí mật như lắp đặt máy móc trong các phòng kín có mái che bằng nhựa tránh sự quan sát của người khác, thường xuyên đào các máy điện thoại thuê bao cố định tránh sự giám sát của cơ quan chức năng nhưng không nhằm chiếm đoạt tài sản đã có của bất kì người nào mà chỉ nhằm khai

thác trái phép mạng điện thoại trong nước hoặc vệ tinh của Việt Nam thuê của nước ngoài và hưởng những lợi ích phát sinh từ sự khai thác này. Tuy nhiên, hành vi khai thác trái phép mạng điện thoại trong nước hoặc vệ tinh của Việt Nam thuê của nước ngoài cũng không cấu thành tội vi phạm quy định về thăm dò khai thác tài nguyên vì đối tượng tác động trong tội phạm này là những khoáng sản đã hoặc chưa được phát hiện trong lòng đất hoặc trong thềm lục địa.

Chúng tôi cho rằng các hành vi trên là trái pháp luật căn cứ vào các quy định của ngành bưu chính viễn thông. Điểm d khoản 2 Điều 40 Pháp lệnh bưu chính, viễn thông ngày 20/5/2002 quy định chủ mạng viễn thông dùng riêng “không được kinh doanh dịch vụ viễn thông dưới bất kì hình thức nào”. Hoặc điểm d khoản 2 Điều 42 quy định người thuê bao điện thoại “không được sử dụng thiết bị đầu cuối thuê bao của mình để kinh doanh dịch vụ viễn thông dưới bất kì hình thức nào”.

Cũng theo các quy định trên đây thì hành vi lắp đặt, sử dụng thiết bị viễn thông, thu cước trái phép không phạm tội kinh doanh trái phép theo Điều 159 BLHS vì đối tượng hàng hoá trong tội phạm này phải là những hàng hoá được phép kinh doanh nhưng người phạm tội đã không đăng kí kinh doanh, kinh doanh không đúng nội dung đã đăng kí hoặc không có giấy phép riêng.

Mạng điện thoại thuộc Tổng công ti bưu chính viễn thông là tài sản của nhà nước. Quyền sử dụng vệ tinh để truyền tín hiệu từ trong nước ra nước ngoài và ngược lại do nước ta thuê của nước ngoài cũng là tài sản

của Nhà nước. Những người đã khai thác quyền sử dụng vệ tinh và mạng điện thoại của Tổng công ti bưu chính viễn thông hoặc chi khai thác mạng điện thoại để chuyển các cuộc gọi ra nước ngoài và ngược lại là phạm tội sử dụng trái phép tài sản theo Điều 142 BLHS.

(1).Xem: Hoàng Ngọc Thịnh, “BLHS 1999 với việc bảo vệ quyền sở hữu của cá nhân”, Tạp chí toà án nhân dân số 11/2000, tr. 10.

(2).Xem: Tài liệu hội nghị tập huấn chuyên sâu BLHS 1999, Hà Nội, 2000, tr. 190.

(3).Xem: Mai Thế Bày, “Về việc xác định tội danh đối với một số hành vi vi phạm trong lĩnh vực viễn thông”, Tạp chí nhà nước và pháp luật, số 3/2003, tr.21.

(4).Xem: Đức Dũng, Tạp chí toà án nhân dân, số 15/2004, tr. 12.

(5).Xem: - Ban biên tập, “Về định tội danh đối với hành vi lắp đặt, sử dụng trái phép thiết bị viễn thông để thu tiền cước điện thoại”, Tạp chí toà án nhân dân, số 23/2004, tr. 45.

- Lê Đăng Doanh, “Chưa có căn cứ để truy cứu TNHS đối với hành vi lắp đặt, sử dụng thiết bị viễn thông trái phép”, Tạp chí toà án nhân dân, số 17/2004, tr.41.

(6).Xem: - Đỗ Văn Chinh, “Xác định tội trộm cắp tài sản đối với người lắp đặt thiết bị thu phát viễn thông để thu lợi bất chính là có căn cứ”, Tạp chí toà án nhân dân, số 10/2004, tr. 45.

- Lê Văn Luật, “Lắp đặt, sử dụng thiết bị viễn thông trái phép để thu tiền cước điện thoại đã có dấu hiệu của tội trộm cắp tài sản”, Tạp chí toà án nhân dân, số 11/2004, tr. 22.

- Dương Tuyết Miên, “Lắp đặt trái phép thiết bị phát sóng vô tuyến điện, sử dụng trái phép tần số vô tuyến điện để thu cước điện thoại, phạm tội trộm cắp tài sản”, Tạp chí toà án nhân dân, số 17/2004, tr. 43.

(7).Xem: Trần Vũ Hải, “Lắp đặt, sử dụng thiết bị bưu chính viễn thông để thu lợi cước điện thoại trái phép có thể bị truy tố về tội kinh doanh trái phép”, Tạp chí toà án nhân dân, số 22/2004, tr. 31.

(8).Xem: Vũ Văn Tiểu, Tạp chí toà án nhân dân, số 20/2004, tr. 21.

(9).Xem: Mai Thế Bày, “Về việc xác định tội danh đối với một số hành vi vi phạm trong lĩnh vực viễn thông”, Tạp chí nhà nước và pháp luật, số 3/2003, tr.21.